TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘ ĐỨC** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HS-ST
Ngày: 20 - 4 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Trần Văn Kiệm;

+ Ông Đinh Công Thuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Đàm Công Vương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 - 20 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2021/TLST- HS, ngày 26 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Văn T (tên gọi khác là Thanh N), sinh ngày 28 tháng 10 năm 1999, tại xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị Thu M, sinh năm 1978, con ông, không xác định; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 17/6/2020 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị Công an huyện N xử phạt hành chính, đã chấp hành xong việc nộp tiền.

Ngày 20/10/2020 bị cáo bị bắt để tạm giam đến ngày 17/01/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lĩnh. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi trú từ ngày 17/01/2021 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Phạm Công S, sinh ngày 20 tháng 12 năm 1989, tại xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình T, sinh năm 1964 (đã chết); con bà Phan Thị Kim D, sinh năm 1967; vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; tiền sự: ngày 17/6/2020 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị Công an huyện N xử phạt hành chính, đã chấp hành xong việc nộp tiền.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi trú từ ngày 14/10/2020 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1968, nơi cư trú: Thôn 01, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1956, nơi cư trú: Thôn 01, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Võ Đoàn Thế L, sinh năm 1980, nơi cư trú: Thôn 06, xã Đức C, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; (vắng mặt).

2. Bà Phan Thị Kim D, sinh năm 1967, nơi cư trú: Thôn H, xã Hành P, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Công S và Nguyễn Văn T là bạn bè chơi thân với nhau, khoảng 20 giờ ngày 04/8/2020 khi T đang chơi game tại quán internet Lệ C ở thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi, thì S đến rủ T đi xuống nhà L ở huyện M chơi và T đồng ý, T điều khiển xe máy biển số 76F1- 01149 chở S đi. Khi đi đến khu vực trường trung học phổ thông số 2 M thuộc thôn 1, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi thì T nói với S "để vòng vòng lấy trộm cây mai nhỏ nhỏ bán lấy tiền tiêu" S đồng ý. T điều khiển xe chở S đi trên đường Quốc lộ 1A, hướng Bắc – Nam, S bảo: "T chạy xe qua bên kia đường có mai nhiều" nên T điều khiển xe đi qua bên kia đường đi được một đoạn khoảng 20m thì S và T thấy nhà của bà Nguyễn Thị Y ở thôn 1, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, phía trước nhà có cổng sắt đang đóng, bên trong có cây cảnh nên S và T dừng xe lại quan sát thì thấy bên trong có cây mai (do có đèn điện đường và đèn điện trước cổng nhà chiếu sáng) T nói với S: "ở ngoài giữ xe và quan sát để T vào lấy" rồi T trèo hàng rào vào trong sân nhà thấy có cây mai đang trồng trong chậu, T đến nhổ trộm và mang cây mai ra bên ngoài đưa cho S, S cầm lấy cây mai, sau đó T điều khiển xe chở S ngồi sau giữ cây mai đi đến nhà L.

Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày thì S và T đến nhà L lúc này T đứng ngoài gọi cửa, S xuống xe và cầm theo cây mai tự động mở cửa đi vào nhà L. Khi đi vào gần tới sân nhà L thì S để cây mai ở trước sân nhà, S cùng T đi qua bàn ở hiên nhà uống nước. L trong nhà đi ra và nói: "mới vào hả em" thì S nói: Có cây mai nho nhỏ anh chơi đỡ, thì L nói: Để đó đi em từ từ tính. S, T và L ngồi uống rượu, nói chuyện đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì S chào đi về thì Lnói: Cái cây bọn em tính sao đó? thì S nói: Anh coi được bao nhiêu anh đưa, thì L đưa cho Sơn 500.000đ và nói: Tụi em cầm về chơi game chứ anh hết tiền rồi, khi nào mấy đứa bắn tiền qua tài khoản thì anh bắn ít tiền cho tụi em chơi. S cầm tiền L đưa và cùng T ra về, trên đường về S và T đi trên đường Quốc lộ 1A, hướng Nam – Bắc, khi qua khu vực Ngã 3 Q một đoạn khoảng 500m thì S

và T dừng xe lại đi vệ sinh. Trong lúc S đi vệ sinh thì T chạy xe đi về hướng Bắc một đoạn khoảng 15m rồi T dừng xe trước nhà ông Phạm Ngọc L ở thôn 1, xã Đ, huyện M còn S đi bộ đến chỗ T đang đứng và cùng T nhìn vào trong nhà thấy bên trong sân nhà có nhiều cây cảnh (có đèn điện đường và đèn điện cổng nhà chiếu sáng). Lúc này, T nói: Nhà này nhiều cây cảnh lắm, nghiên cứu lấy trộm cây chơi chứ, S nói: Ưng thì lấy trộm cây chơi cũng được. Sau đó, S, T leo hàng rào vào bên trong sân nhà lấy trộm 03 (ba) cây cảnh gồm: 01 (một) cây mai, 01 (một) cây sam hương, 01 (một) cây khế; sau khi lấy xong T điều khiển xe chở S ngồi sau giữ cây mai và cây sam hương còn cây khế để ở ba ga phía trước xe. Trên đường đi về T nói với S: Đem cây vô nhà L gửi chứ đem về nhà dễ bị phát hiện thì S đồng ý. T, S chở cây cảnh vừa trộm được qua nhà L để gửi, khi tới cổng nhà L, S gọi thì L ra mở cửa. Khi thấy S và T cùng 03 (ba) cây cảnh thì L hỏi: Cây ở đâu mà đem qua giờ này, S nói của mấy đứa em ở bên H mang qua để gửi anh nhờ anh giữ giùm, L nói: Sao không mang cây vào sớm mà mang vào đêm khuya, giờ này người ta nghĩ ăn trộm đó, S trả lời: Không mà anh thì L nói: Đem vào nhà anh xem, khi S và T mang 03 (ba) cây vào để trong sân nhà L hỏi: Bao giờ em lấy? thì S nói: Tạm thời để đây, sáng mai em qua em lấy. Sau đó, S cùng T đi về và tiếp tục đến chơi game tại quán Internet Lệ C, đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 05/8/2020 thì S và T ngồi nói chuyện với nhau và nhớ lại việc nhà người dân mà S, T lấy trộm 03 (ba) cây cảnh có camera giám sát khu vực sân vườn, S và T lo sợ việc lấy trộm cây bị phát hiện nên S dùng điện thoại của mình, dùng số điện thoại 0392462584 điện thoại cho L 02 (hai) lần mục đích để nói L cất cây Sơn gởi cho kín nhưng L không nghe máy. Đến khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, S nhắn tin cho L với nội dung: L xem chỗ nào để 03 (ba) cây em mới đem vào, cây đó mấy đứa nó lấy trộm ở đâu trong M nhưng S không thấy L nhắn tin trả lời. Sau đó, Công an huyện M đến nhà L để xác minh vụ trộm cắp cây cảnh thì Linh khai báo và giao nộp 04 (bốn) cây cảnh mà S và T mang đến nhà anh L vào đêm ngày 04/8/2020; qua quá trình làm việc, S và T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình vào đêm ngày 04/8/2020.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐG ngày 06/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M kết luận tổng giá trị tài sản thiệt hại là 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng)*; cụ thể:

- 01 (một) cây sam hương cảnh có chiều cao 50cm, tán cây rộng 82cm, thân cây có đường kính 10cm, dưới rễ cây có đất bám thành khối có kích thước 21cm x 30cm, có giá trị là 11.000.000đ;

- 01 (một) cây mai cảnh có chiều cao 80cm, tán cây rộng 85cm, thân cây có đường kính 07cm, dưới rễ cây có đất bám thành khối có kích thước 35cm x 23cm, có giá trị là 3.000.000đ;

- 01 (một) cây khế cảnh có chiều cao 60cm, tán cây rộng 42cm, thân cây có đường kính 06cm, có giá trị là 1.000.000đ

- 01 (một) cây mai cảnh có chiều cao 1,15m, tán cây rộng 92cm, thân cây có đường kính 03cm, rễ cây có đất bám tạo thành khối có kích thước 40cm x 33cm, có giá trị là 1.000.000đ

Tại Cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 26/02/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi truy tố Nguyễn Văn T và Phạm Công S về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M vẫn giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Công S phạm tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ mức án 18 đến 24 tháng tù; bị cáo Phạm Công S mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

- Đối với Võ Đoàn Thế L, khi bị cáo T và S đem tài sản đến nhờ giữ giùm các cây cảnh của bị cáo T và S mang đến thì L không biết tài sản do T, S trộm cắp mà có. Cơ quan điều tra – Công an huyện M đã tiến hành gửi công văn đề nghị Tổng Công ty Viễn thông Viettel (ba lần) yêu cầu cung cấp, trích sao lịch sử, nội dung cuộc gọi đến và đi, nội dung tin nhắn đến và đi của bị cáo S và L trong ngày 04- 05/8/2020 để tiến hành điều tra theo quy định nhưng đến nay Cơ quan CSĐT- Công an huyện M vẫn chưa nhận được kết quả trả lời của Tổng Công ty Viễn thông Viettel nên không đủ chứng cứ, tài liệu xác định L có dấu hiệu đồng phạm với các bị cáo hay L có dấu hiệu phạm tội khác hay không; Cơ quan CSĐT-Công an huyện M sẽ tiếp tục xác minh làm rõ, nếu có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

- Về dân sự: Những người bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu gì thêm về dân sự; anh Võ Đoàn Thế L không yêu cầu bị cáo S và T trả lại số tiền mà các bị cáo đã nhận từ việc bán tài sản trộm cắp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT – Công an huyện M đã tạm giữ: 01 (một) cây mai cảnh có chiều cao 80cm, tán cây rộng 85cm, thân cây có đường kính 07cm, dưới rễ cây có đất bám thành khối có kích thước 35cm x 23cm; 01 (một) cây khế cảnh có chiều cao 60cm, tán cây rộng 42cm, thân cây có đường kính 06cm; 01 (một) cây mai cảnh có chiều cao 1,15m, tán cây rộng 92cm, thân cây có đường kính 03cm, rễ cây có đất bám tạo thành khối có kích thước 40cm x 33cm và 01 (một) cây sam hương cảnh có chiều cao 50cm, tán cây rộng 82cm, thân cây có đường kính 10cm, dưới rễ cây có đất bám thành khối có kích thước 21cm x 30cm là tài sản của bà Nguyễn Thị Y và ông Phạm Ngọc L ở thôn 1, xã Đ, huyện M, Cơ quan CSĐT – Công an huyện M đã trả lại cho các bị hại, nên không xem xét.

- Đối với xe môtô biển kiểm soát 76F1-01149 mà bị cáo T và S sử dụng đi trộm cắp tài sản, do ông Phạm Đình T (cha bị cáo S) đứng tên trong giấy đăng ký xe, năm 2018 ông T chết; chiếc xe môtô trên được bà Phan Thị Kim D (mẹ bị cáo S) trực tiếp quản lý, sử dụng làm phương tiện đi lại hàng ngày; việc bị cáo S sử dụng xe để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bà D hoàn toàn không biết nên trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT – Công an huyện M đã trả lại xe cho bà D, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Công S và những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, những người bị hại là ông Phạm Ngọc L, bà Nguyễn Thị Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Võ Đoàn Thế L vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra. Việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của những người bị hại, những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Trong đêm ngày 04-05/8/2020, trên đường đi đến nhà L chơi, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên rủ bị cáo S cùng tham gia và S đồng ý, các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Công S đã có hành vi lén lút đột nhập vào sân nhà của bà Nguyễn Thị Y và ông Phạm Ngọc L ở Thôn 1, xã Đ, huyện M để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 04 (bốn) cây cảnh: 1 (một) cây sam hương,02 (hai) cây mai và 01 (một) cây khế; tài sản mà các bị cáo T, S trộm cắp, được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M kết luận có tổng giá trị là 16.000.000đồng.

[4] Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản,các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Công S đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, các bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã trộm cắp là 16.000.000đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Công S về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Công S là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm.Tuy nhiên, trước khi quyết định

hình phạt Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng:

- Về nhân thân: Đối với bị cáo Nguyễn Văn T, ngày 17/6/2020 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị Công an huyện N xử phạt hành chính; ngày 04/8/2020 bị cáo có hành vi trộm cắp tài sản tại huyện M, Cơ quan CSĐT – Công an huyện M đang trong quá trình điều tra vụ án thì ngày 12/9/2020 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại thôn H, xã H, huyện N, bị công an xã H xử phạt hành chính số tiền 1.000.000đ theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 08/QĐ - XPHC, ngày 05/10/2020; ngày 23/9/2020 lại có hành vi trộm cắp tài sản tại thôn N, xã Np, huyện T, bị công an xã N xử phạt hành chính số tiền 1.500.000đ theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 08/QĐ - XPHC, ngày 16/10/2020. Như vậy, có thể thấy bị cáo T có nhân thân không tốt, bị cáo đang có tiền sự, lẽ ra bị cáo phải lo tu dưỡng bản thân, lương thiện làm ăn, sống có ích cho xã hội nhưng ngày 04/8/2020 bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản, vụ án đang trong quá trình điều tra thì bị cáo tiếp tục thực hiện hai lần trộm cắp tài sản, khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào đêm ngày 04-05/8/2020 bị cáo là người đề xuất, khởi xướng và thực hiện rất tích cực; với bị cáo Phạm Công S có một tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, lẽ ra khi nghe bị cáo T rủ đi trộm cắp tài sản, bị cáo phải ngăn cản bị cáo T nhưng bị cáo lại đồng ý và tích cực cùng bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Điều này, chứng tỏ các bị cáo có thái độ rất xem thường pháp luật. Như vậy, cần xét xử các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo nên cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo, cũng như để phòng ngừa chung tội phạm.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Công S đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo.

[6] Xét thấy, các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Công S đã cùng cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản khi phạm tội các bị cáo có sự bàn bạc, thống nhất với nhau về việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nói trên. Do đó, đây là một vụ án có đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, các bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm đã thực hiện.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Công S không có tài sản và không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Đối với Võ Đoàn Thế L: Khi các bị cáo T, S mang các cây cảnh đến L nhờ giữ giùm thì L không biết đó là tài sản do T, S trộm cắp mà có. Bản thân anh L không có hứa hẹn trước việc tiêu thụ, chứa chấp tài sản trộm cắp của S và

T. Qua kết quả xét hỏi, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của anh L và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên L không đồng phạm với T và S về tội trộm cắp tài sản nói trên, cũng như không có căn cứ xác định L có dấu hiệu phạm tội khác để xử lý hình sự đối với L.

[9] Về dân sự: Những người bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp không yêu cầu gì thêm về dân sự; anh Võ Đoàn Thế L không yêu cầu bị cáo S và T trả lại số tiền 500.000đồng mà các bị cáo đã nhận từ việc bán tài sản trộm cắp. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với tài sản bị trộm cắp là 4 cây cảnh gồm: 02 (hai) cây mai, 01 (một) cây khế và 01 (một) cây sam hương. Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT – Công an huyện M đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp quy định pháp luật.

- Đối với xe môtô biển kiểm soát 76F1-01149 mà bị cáo T và S sử dụng đi trộm cắp tài sản, do ông Phạm Đình T(cha bị cáo S) đứng tên trong giấy đăng ký xe, năm 2018 ông T chết; chiếc xe môtô trên được bà Phan Thị Kim D (mẹ bị cáo S) trực tiếp quản lý, sử dụng làm phương tiện đi lại hàng ngày; việc bị cáo S sử dụng xe để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bà D hoàn toàn không biết nên trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT – Công an huyện M đã trả lại xe cho bà D là đúng quy định pháp luật.

[11] Về căn cứ truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Công S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[13] Các bị cáo, những bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Phạm Công S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 20 *(Hai mươi*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án (20/4/2021) nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 20/10/2020 đến ngày 17/01/2021.

Xử phạt bị cáo Phạm Công S 15 *(Mười lăm)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án (20/4/2021).

2. Về áp dụng biện pháp ngăn chặn: Căn cứ các Điều 109, 113, 119 và 329 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bắt tạm giam bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Phạm Công S ngay tại phiên tòa để đảm bảo thi hành án. Thời hạn tạm giam là 45 *(Bốn mươi lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (20/4/2021).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Công S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (20/4/2021). Những bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện M;
- CQCSĐT Công an huyện M;
- Cơ quan THAHS Công an huyện M;
- Phòng NVLT Công an huyện M;
- Chi Cục THADS huyện M;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Vân

Các thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**